

Số: 3/KL-TTH

Ninh Sơn, ngày 14 tháng 01 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định về quản lý
thu, chi tài chính ngân sách Nhà nước giao tại
phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Ninh Sơn

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;

Xét báo cáo số 78/BC-ĐTT ngày 28/12/2021, của Đoàn Thanh tra được thành lập theo Quyết định số 07/QĐ-TTH ngày 02/6/2021 của Chánh Thanh tra huyện Ninh Sơn về việc Thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý thu, chi tài chính ngân sách nhà nước giao tại Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Ninh Sơn.

Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

I. Đặc điểm tình hình.

Phòng Kinh tế - Hạ tầng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về: công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; thương mại; phát triển đô thị; kiến trúc, quy hoạch, xây dựng; vật liệu xây dựng; nhà ở và công sở; hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị; giao thông; khoa học và công nghệ. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện gồm có: 01 trưởng phòng, 02 phó Trưởng phòng (đến tháng 10/2021) và 06 công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

Đơn vị thực hiện công tác kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ trên phần mềm kế toán Misa.

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện và sự hỗ trợ, giúp đỡ của ngành chuyên môn cấp trên; Phòng Kinh tế - Hạ tầng cơ bản đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

II. Kết quả thanh tra

1. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

a) Về thủ tục, quy trình

Từ năm 2018 đến năm 2020, Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã ban hành các quyết định và quy chế chi tiêu nội bộ theo từng năm, cụ thể: Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018 theo Quyết định số 01/QĐ-KTHT ngày 03/01/2018; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 theo Quyết định số 01/QĐ-KTHT ngày 02/01/2019; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 theo Quyết định số 01/QĐ-KTHT ngày 02/01/2020. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị có biên bản họp cơ quan và phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, công chức trong đơn vị trước khi ban hành; có niêm yết và thực hiện công khai theo quy định.

b) Về Nội dung

Sau khi kiểm tra các nguồn kinh phí thu, chi của đơn vị với quy chế chi tiêu nội bộ, cho thấy việc ban hành, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị chưa được rõ ràng, đầy đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Cụ thể:

- Một số nội dung chi ngân gọn chưa được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị như: Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể, định mức chi xăng xe khi đi công tác, xác minh hồ sơ để cấp giấy phép; chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức từ năm 2018 – 2020 không có kết quả phân loại bình bầu A, B, C; ...

- Các nguồn thu phí quản lý dự án công trình như: tiền lương làm thêm giờ, chi mua vật tư văn phòng phẩm, chi sửa chữa tài sản, chi trả nước cho cơ quan phục vụ công tác quản lý...

c) Việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

Nhìn chung, đơn vị đã thực hiện theo quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và quy định của nhà nước. Tuy nhiên việc xây dựng quy chế chưa được rõ ràng, đầy đủ, nên việc thực hiện chưa sát với tình hình thực tế của đơn vị (như đã nêu trên).

2. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí nhà nước cấp.

2.1. Nguồn kinh phí tự chủ, chi thường xuyên (nguồn 13)

Việc lập dự toán chi căn cứ vào quyết định giao biên chế và Quyết định giao nhiệm vụ thu, chi của Chủ tịch UBND huyện, đơn vị đã thực hiện theo hướng dẫn tại các Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017; Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước. Từ năm 2018 đến năm 2020, đơn vị đã thực hiện việc Công khai tài chính và quyết toán tài chính hàng năm theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; tổng dự toán được cấp trong 03 năm: 2.095.346.033 đồng, cụ thể:

Năm	Dự toán được giao trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại cuối năm
Năm 2018	647.513.700	647.513.700	647.513.700	0
Năm 2019	724.332.088	724.332.088	724.332.088	0
Năm 2020	723.500.245	723.500.245	723.500.245	0

- Thanh toán lương và các khoản phụ cấp: 1.429.542.064 đồng
- Thanh toán các khoản đóng góp: 407.234.720 đồng
- Các khoản chi khác:
 - + Thanh toán tiền điện, nước, internet: 35.769.454 đồng
 - + Thanh toán tiền văn phòng phẩm: 77.095.649 đồng
 - + Thanh toán tiền sửa chữa, mua sắm: 20.181.000 đồng
 - + Thanh toán tiền làm thêm giờ: 10.652.146 đồng
 - + Thanh toán tiền thu nhập tăng thêm: 114.871.000 đồng

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ kinh phí chi thường xuyên cho thấy đơn vị có lập dự toán đầu năm, các khoản thanh quyết toán có kèm theo các chứng từ, hóa đơn theo các mục chi theo quy định. Tuy nhiên, có 01 chứng từ thanh quyết toán chưa đúng quy định tại Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014:

- Thanh toán tiền văn phòng phẩm, chứng từ số 01, ngày 29/6/2018, số tiền chi: 7.380.000 đồng, trong hóa đơn GTGT, số tiền: 6.380.000 đồng, chênh lệch số tiền: 1.000.000 đồng.

- Thanh toán thu nhập tăng thêm không có kết quả phân loại bình bầu A, B, C... (đã nêu trên).

2.2. Nguồn kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)

Từ năm 2018 đến năm 2020 phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện được giao kinh phí chi không thường xuyên là 35.474.108.626 đồng, Kinh phí sử dụng quyết toán trong năm: 32.828.023.606 đồng, dự toán còn lại cuối năm: 2.646.085.020 đồng (trong đó: Dự toán hủy: 1.999.900.020 đồng; dự toán giữ lại chuyển qua năm sau tiếp tục sử dụng: 646.185.000 đồng).

Năm	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng	Dự toán còn lại cuối năm	Dự toán hủy
Năm 2018	0	10.694.814.626	10.694.814.626	10.259.083.490	435.731.136	435.731.136
Năm 2019	0	12.967.099.000	12.967.099.000	11.493.330.756	1.473.768.244	827.583.244
Năm 2020	646.185.000	11.166.010.000	11.812.195.000	11.075.609.360	736.585.640	736.585.640

* Năm 2018:

- Dự toán được giao trong năm: 10.694.814.626 đồng
- Dự toán đã sử dụng trong năm: 10.259.083.490 đồng

- Dự toán còn lại: 435.731.136 đồng (*Hủy dự toán: 435.731.136 đồng, lý do: hết năm ngân sách chỉ những khoản dự toán chi chưa thực hiện hoặc chưa chi hết theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật NSNN và Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ mới được chuyển nguồn sang năm sau thực hiện; số còn lại sẽ bị hủy dự toán theo quy định*).

*** Năm 2019:**

- Dự toán được giao trong năm: 12.967.099.000 đồng
- Dự toán đã sử dụng trong năm: 11.493.330.756 đồng
- Dự toán còn lại: 1.473.768.244 đồng (*Hủy dự toán 827.583.244 đồng, dự toán chuyển sang năm 2020: 646.185.000 đồng*)

*** Năm 2020:**

- Dự toán năm trước chuyển sang: 646.185.000 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 11.166.010.000 đồng
- Dự toán đã sử dụng trong năm: 11.075.609.360 đồng
- Dự toán còn lại: 736.585.640 đồng (*Hủy dự toán: 736.585.640 đồng*)

2.2.1. Thanh tra kinh phí trồng, chăm sóc, quản lý cây xanh đô thị.

Giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020, Phòng Kinh tế - Hạ tầng được giao kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh trên địa bàn huyện, với tổng dự toán sử dụng: 10.265.185.864 đồng, nguồn vốn chủ yếu: vốn ngân sách nhà nước, thuộc nguồn vốn thực hiện đề án xanh - sạch - đẹp (*trong đó: năm 2018 là 2.264.779.864 đồng, năm 2019 là 3.875.739.000 đồng, năm 2020 là 4.124.667.000 đồng*).

Đến nay các công trình đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành; đơn vị đã thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục các bước đấu thầu theo Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định một số điều về lựa chọn nhà thầu. Riêng năm 2020 có một số hạng mục được điều chỉnh và thay thế, bổ sung trồng dọc các tuyến đường tại khu dân cư xã Hòa Sơn và trụ sở thôn Tân Lập 1, xã Lương Sơn, số tiền: 1.241.222.085 đồng, hạng mục này đơn vị chủ đầu tư đã thanh toán cho đơn vị thi công và đã được nghiệm thu nhưng chưa bàn giao; đang được đơn vị thi công chăm sóc, bảo dưỡng và bổ sung một số cây yếu dễ bị chết trước khi bàn giao giữa chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đưa vào sử dụng và quản lý theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

Trong 03 năm, số lượng cây xanh được trồng, chăm sóc, cải tạo khoảng: 4.470 cây (*cây sao đen, bông giấy, cây hoàng yến, cây bằng lăng, cây xanh 5 tầng, cây móng bò, cây lim xẹt*), 1.577,57m² các loại cỏ (*cỏ đậu phụng, viền hắc ó, mào nai, viền thái...*) và các hạng mục liên quan, cụ thể:

- Năm 2018.

Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 22/6/2018, số tiền: 2.491.953.674 đồng; chủ đầu tư: Phòng Kinh tế - Hạ tầng; đơn vị tư vấn

khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; tư vấn lập HSYC và HSDG đề xuất: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD Đăng Thịnh; đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH XD và ĐT Hoàng phát Ninh Thuận; đơn vị thi công: Công ty TNHH cấp thoát nước và dịch vụ Môi trường, Hợp đồng số 09/2018/HĐ-XD ngày 24/8/2018, thời gian thực hiện ngày 27/8/2018 đến ngày 28/3/2019.

- Năm 2019.

Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 19/6/2019, số tiền: 3.872.989.993 đồng; tổng mức đầu tư sau điều chỉnh theo Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 16/10/2019, số tiền: 3.869.695.587 đồng; chủ đầu tư: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Ninh Sơn; đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, tư vấn thiết kế: Công ty TNHH xây dựng Tín A; tư vấn giám sát: Công ty TNHH XD và ĐT Hoàng Phát Ninh Thuận; đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn Xây dựng Việt Nam Xanh, Hợp đồng số 06/2019/HĐ-XD ngày 19/8/2019, thời gian thực hiện ngày 21/8/2019 đến ngày 28/3/2020.

- Năm 2020

Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 11/8/2020, số tiền: **3.649.533.000** đồng; chủ đầu tư: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Ninh Sơn; đơn vị tư vấn lập HSYC và phân tích đánh giá HS đề xuất công trình: Công ty TNHH Địa Kỹ Thuật Hạt Nhân; đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn XD và TM Chung Thiện Mỹ; đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng: công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Hoàng Phát Ninh Thuận; đơn vị thi công: Công ty TNHH cây xanh Mi Na, Hợp đồng số 01/2020/HĐ-XD ngày 05/10/2020.

- Qua kiểm tra hiện trạng các hạng mục công trình xác định: Số lượng cây còn sống đến thời điểm kiểm tra còn khoảng 3.129 cây, đạt tỷ lệ 70%; trong đó có một số công trình đạt hiệu quả thấp, cụ thể là:

+ Dự án trồng cây tại trường tiểu học cơ sở Quảng Sơn B, xã Quảng Sơn (năm 2018), kinh phí: 295.245.204 đồng; số lượng cây được trồng: 280 cây. Qua kiểm tra hiện trạng số cây còn sống 130 cây; số cây bị chết 150 cây, chiếm 53,3%.

+ Dự án trồng cây tại trường Lương Giang, xã Quảng Sơn (năm 2018), kinh phí: 210.889.532 đồng; số lượng cây sao đen được trồng 200 cây. Qua kiểm tra hiện trạng không còn cây trồng tại đây; xung quanh trường học chủ yếu là cây rừng và cỏ dại, trường không có sân, không có cổng và hàng rào bảo vệ xung quanh, nên không bảo vệ được cây trồng.

+ Dự án trồng cây trên tuyến đường Lê Lợi, thị trấn Tân Sơn (năm 2018), số lượng cây: 49 cây sao đen, qua kiểm tra hiện trạng cây trồng ở đây còn lại **20** cây; số cây trồng bị chết 29 cây, chiếm 51%.

Nguyên nhân: Công tác quản lý, chăm sóc cây không được tốt và thiếu kiểm tra, giám sát khắc phục kịp thời, dẫn đến cây bị chết (cây trồng đường Lê lợi, đơn vị thi công đường bê tông đã lấp cây đã trồng).

2.2.2. Các công trình đầu tư xây dựng.

Trong kỳ thanh tra, Phòng Kinh tế - Hạ tầng được UBND huyện giao dự toán sử dụng với tổng số tiền: 16.698.255.360 đồng (*năm 2018: 6.129.239.000 đồng, năm 2019: 5.757.769.000 đồng, năm 2020: 4.811.247.360 đồng*); đa số các dự án XDCB của đơn vị đều được giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện công tác tư vấn, điều hành và quản lý dự án; các công trình đều chậm thanh quyết toán (trong 03 năm), chủ yếu kinh phí trả nợ năm trước, do nguồn kinh phí của huyện cấp không đủ để thanh quyết toán cho đơn vị thi công.

Năm 2018: Dự toán đã sử dụng: 6.129.239.000 đồng, trong đó:

+ Thanh toán công trình hoàn thành và chuyển tiếp sang năm sau: 5.729.239.000 đồng (*gồm 9 công trình của năm 2016, 2017*)

+ Công trình khởi công mới: 400.000.000 đồng (*gồm 4 công trình*)

- Năm 2019: Dự toán đã sử dụng: 5.757.769.000 đồng, trong đó:

+ Thanh toán công trình hoàn thành và chuyển tiếp sang năm sau: 5.292.475.000 đồng (*gồm 9 công trình của năm 2016, 2017, 2018*)

+ Công trình khởi công mới: 465.294.000 đồng (*gồm 6 công trình*)

- Năm 2020: Dự toán đã sử dụng: 4.811.247.360 đồng, trong đó:

+ Thanh toán công trình hoàn thành và chuyển tiếp sang năm sau: 4.313.047.360 đồng (*gồm 9 công trình của năm 2018, 2019*)

+ Công trình khởi công mới: 498.200.000 đồng (*4 công trình*)

Qua kiểm tra hồ sơ 5/14 công trình hoàn thành cho thấy về thủ tục đúng quy định theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Luật đấu thầu 2013; thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 30/4/2015.

2.2.3. Kinh phí kiến thiết thị chính.

Từ năm 2018 đến năm 2020, Phòng Kinh tế - Hạ tầng được giao dự toán sử dụng: 2.797.781.382 đồng phục vụ cho công tác trang trí tết và lắp đặt các hệ thống chiếu sáng tại các tuyến đường trên địa bàn huyện (*năm 2018: 650.000.000 đồng; năm 2019: 395.519.000 đồng; năm 2020: 481.334.000 đồng*). Đến nay, đã thanh, quyết toán, hồ sơ thủ tục đúng theo Nghị định 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 về quản lý chiếu sáng đô thị.

Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, các hạng mục công trình trang trí tết từ năm 2018 đến năm 2020 cơ bản đều giống nhau và có tận dụng lại một số các vật tư, thiết bị của các năm trước còn sử dụng được như: công sắt; khung sắt, dây đèn chiếu sáng, vật dụng trang trí các loại, còn lại mua mới; nhưng các thiết bị, vật tư đã bị hư hỏng không còn sử dụng được đơn vị không lập biên bản nghiệm thu tài sản đã bị hư hỏng, theo quy định.

2.2.4. Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

Kiểm tra Hồ sơ kinh phí phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông của Ban an toàn giao thông huyện năm 2018, theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND huyện về việc kiện toàn Ban an toàn giao thông, đơn

vị đã quản lý tốt nguồn kinh phí được giao theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông, số tiền: 162.270.000 đồng, hồ sơ thủ tục đúng theo Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 về quản lý sử dụng kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông; tuy nhiên, có 01 chứng từ chi không đúng quy định, cụ thể:

- Thanh toán tiền xăng xe đi công tác chứng từ số 02, ngày 15/01/2019, mục chi 6503, số tiền: 480.000 đồng. Đơn vị không có hóa đơn GTGT tiền xăng xe theo quy định tại Thông tư 39/2014/TT-BTC về sử dụng hóa đơn.

2.2.5. Kinh phí quy hoạch đồ án phân khu đô thị thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Công tác Quy hoạch xây dựng đồ án vùng Kinh tế huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận kéo dài từ năm 2015 đến năm 2020, được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn phê duyệt theo chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 với tổng số tiền 6.071.142.000 đồng, theo hình thức đấu thầu và hợp đồng trọn gói. Chủ đầu tư: phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Ninh Sơn và bên nhận thầu: Viện Quy hoạch xây dựng Miền Nam, gồm 03 phân khu: Khu đô thị công nghiệp dịch vụ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn; Khu đô thị dịch vụ - du lịch thị trấn Tân Sơn; Khu đô thị trung tâm thị trấn huyện Ninh Sơn, số tiền chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu 2.282.000.000 đồng, số còn lại 3.789.142.000 đồng chưa thanh toán.

3. Các nguồn thu và nộp ngân sách của đơn vị

Từ năm 2018 – 2020, tổng các nguồn thu của đơn vị là 111.306.700 đồng, kê khai nộp ngân sách nhà nước là 47.790.300 đồng, chi tiết từng nguồn thu như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
a)	Thu phí thẩm định	2.603.000	26.340.000	43.348.700
	Số dư năm trước chuyển sang	2.154.000	2.558.000	965.700
	Số thu trong năm	449.000	23.782.000	42.383.000
	Số nộp ngân sách	5.158.000	2.378.300	4.239.000
	Số chi trong năm	0	22.996.000	14.433.700
	Số còn lại chuyển sang năm sau	2.558.000	965.700	24.676.000
b)	Thu từ bán hồ sơ mời thầu	0	3.000.000	0
	Số thu trong năm	0	3.000.000	0
	Số chi trong năm	0	3.000.000	0
	Số nộp ngân sách	0	0	0
	Kinh phí còn chuyển sang năm sau	0	0	0
c)	Thu từ cấp giấy phép xây dựng	11.850.000	12.465.000	11.700.000
	Số dư năm trước chuyển sang	0	0	0
	Số thu trong năm	11.850.000	12.465.000	11.700.000
	Số chi trong năm	0	0	0

Số nộp ngân sách	11.850.000	12.465.000	11.700.000
Kinh phí còn chuyển sang năm sau	0	0	0

Qua kiểm tra chứng từ các nguồn thu: phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, lệ phí thẩm định dự án các công trình được phân cấp trên địa bàn huyện; chi phí thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư; thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; thẩm định đồ án quy hoạch; thu tiền bán hồ sơ mời thầu; thu từ cấp giấy phép xây dựng; chi phí quản lý dự án cho thấy: đơn vị có đưa vào sổ sách, hạch toán theo dõi thu chi, chứng từ lưu đầy đủ, rõ ràng, kê khai và nộp thuế đúng quy định. Từ năm 2018 - 2020, thu từ chi phí quản lý dự án được trích để lại, số tiền: 37.429.000 đồng. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như:

- Đơn vị chưa kê khai nộp thuế nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu, số tiền: 3.000.000 đồng; theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu chính phủ nêu rõ: Khoản thu từ bán hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định thì được chi cho các nội dung phục vụ tổ chức mở thầu.

4. Mua sắm trang thiết bị và quản lý tài sản:

Đối với chi mua sắm tài sản, máy móc trang thiết bị làm việc: Phòng thực hiện việc mua sắm tập trung số tiền: 74.600.000 đồng; việc mua sắm bổ sung trang thiết bị, tăng cường sửa chữa vật chất, máy móc, trang thiết bị làm việc, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm đáp ứng yêu cầu công việc theo đúng dự toán được UBND huyện giao và đúng theo quy định.

5. Hạch toán, kế toán và quyết toán:

Phòng Kinh tế - Hạ tầng thực hiện công tác kế toán theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ, thao tác theo chương trình phần mềm kế toán Misa. Việc lập sổ sách, chứng từ kế toán, hạch toán, công tác báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính và bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán thực hiện theo quy định. Tuy nhiên vẫn còn một số sai sót như đã nêu ở trên.

Từ năm 2018 đến năm 2020, đơn vị đã thực hiện việc công bố công khai dự toán, quyết toán và niêm yết công khai tại đơn vị theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách.

6. Công tác phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Công tác phòng chống tham nhũng:

Năm 2018, 2019 đơn vị không ban hành Kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng; năm 2020 ban hành Kế hoạch số 04/KH-KTHT ngày 01/4/2020 về thực hiện công tác phòng chống tham nhũng năm 2020 nhằm quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện; đơn vị đã công khai các thủ tục hành chính, các nguồn kinh phí được cấp cho các công trình dự án, đấu thầu thông báo

rộng rãi trên mạng đấu thầu để các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, người dân được biết và thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập hàng năm theo quy định

- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Trong 03 năm (2018-2020), phòng Kinh tế - Hạ tầng đã tiết kiệm được số tiền: 114.871.000 đồng (năm 2018: 38.376.000 đồng, năm 2019: 40.449.000 đồng, năm 2020: 36.046.000 đồng), đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- *Xung đột lợi ích*: Trong kỳ, đơn vị chưa nhận được thông tin, phản ánh, báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân về phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn. Ngoài ra, đơn vị cũng chưa nhận được văn bản báo cáo của cán bộ, công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc có xung đột lợi ích với công việc được phân công.

7. Việc quản lý tài sản tại đơn vị.

Về quản lý, mua sắm tài sản: Hàng năm, đơn vị có lập, kiểm kê tài sản. trong đó: tổng số tài sản qua các năm: 167.943.000 đồng, hao mòn lũy kế: 132.041.000 đồng, giá trị còn lại: 35.902.000 đồng. Đơn vị đã thực hiện việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đơn vị chưa ban hành quy chế quản lý tài sản riêng mà gộp chung với quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, quy chế còn mang tính chung chung chưa quy định cụ thể theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

III. Kết luận, kiến nghị:

1. Kết luận.

1.1. Ưu điểm.

- Trong thời gian qua phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện đã thực hiện tốt công tác tham mưu cho UBND huyện quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được giao. Công tác điều hành và quản lý thu chi tài chính ngân sách của đơn vị, cơ bản thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền; đơn giản hóa các thủ tục hành chính, công khai các quy định của nhà nước, chấn chỉnh tác phong lề lối làm việc; nâng cao nhận thức về pháp luật và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ công chức.

- Tổng dự toán chi thường xuyên (nguồn 13- tự chủ) được cấp sử dụng trong 03 năm (2018-2020): 2.095.346.033 đồng. Tổng dự toán chi không thường xuyên (nguồn 12-không tự chủ) được cấp sử dụng trong 03 năm: 32.828.023.606 đồng. Qua thanh tra, chưa phát hiện được tham nhũng, tiêu cực trong công tác quản lý tài chính, ngân sách được nhà nước giao tại đơn vị.

- Hàng năm đơn vị đã bám sát dự toán được giao, để quản lý, điều hành thu chi ngân sách, đảm bảo hoạt động của đơn vị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc lập dự toán ngân sách, chứng từ, sổ sách kế toán, hạch toán, báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính và quản lý lưu giữ tài liệu kế toán, công tác mua sắm, thực

hiện các nghĩa vụ nộp thuế ngân sách nhà nước nhìn chung đơn vị thực hiện theo quy định

- Thực hiện các quy định về luật kế toán và luật ngân sách nhà nước; đơn vị có mở sổ sách theo dõi các khoản thu, chi của đơn vị;

- Các công trình đầu tư xây dựng do đơn vị làm chủ đầu tư đa số đều hoàn thành và cơ bản đã thanh quyết toán đầy đủ theo quy định.

1.2. Tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong việc chỉ đạo, điều hành, quản lý thu, chi tài chính ngân sách, đơn vị cũng còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

1.2.1. Về quy chế chi tiêu nội bộ.

- Đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ chưa rõ ràng, đầy đủ sát với tình hình thực tế của đơn vị theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 (*Tại mục II.1.b như nêu trên*)

1.2.2. Về nguồn kinh phí tự chủ (nguồn 13)

- Chi tiền văn phòng phẩm, CT số 01, ngày 29/6/2018, số tiền chi: 7.380.000 đồng, trong hóa đơn GTGT, số tiền: 6.380.000 đồng, chênh lệch số tiền: 1.000.000 đồng.

1.2.3. Nguồn kinh phí không tự chủ (nguồn 13).

a) Kinh phí trồng và quản lý cây xanh:

- Tổng nguồn kinh phí 10.265.185.864 đồng, thuộc nguồn vốn thực hiện đề án xanh - sạch - đẹp. Tổng số lượng cây xanh qua thống kê 03 năm (2018-2020) là: 4.470 cây và 1.577,57 m² các loại cỏ; qua kiểm tra số lượng cây còn sống là: 3.129 cây, đạt 70%. Có một số dự án trồng cây không hiệu quả (trường Quang Trung, đạt 7%; trường Lương Giang 0%; Quảng Sơn B, đạt 46,7%); mặc dù đơn vị đang khắc phục trồng lại cây xanh, nhưng đã gây thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước; chưa đúng theo quy định tại Điều 3, điều 11, điều 13 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về quản lý cây xanh đô thị; Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Nguyên nhân:

+ Công tác khảo sát tham mưu quy hoạch, kế hoạch thực hiện các dự án trồng cây của phòng Kinh tế - Hạ tầng chưa sát với thực tế; nên một số địa điểm trồng cây không phù hợp, không đảm bảo về cảnh quan, xa trung tâm khó khăn cho việc chăm sóc, quản lý (đường D6, D7, TM14 xã Mỹ Sơn; đường đi nghĩa trang Tân Sơn); trường Lương Giang, xã Quảng Sơn, xung quanh trường học cây rừng và cỏ dại, trường không có sân, không có cổng và hàng rào bảo vệ.

+ Công tác bàn giao quản lý, chăm sóc chưa thật sự được chú trọng; cụ thể: Biên bản bàn giao còn chung chung; chưa thể hiện rõ số lượng cây trồng, cụ thể là bao nhiêu, để giao cho đơn vị chủ quản (xã, trường học) biết để có trách nhiệm chăm sóc, quản lý cây phù hợp; nên cây chết nhiều, không đạt hiệu quả (Trường THCS Quang Trung, cây chết 93%; trường tiểu học Lương Giang, cây chết 100%; trường tiểu học Quảng Sơn B, cây chết 53,3%; đường Lê Lợi, TT.Tân Sơn, cây chết 51%).

+ Công tác hậu kiểm tra, giám sát việc bảo quản chăm sóc chưa được quan tâm; đơn vị chưa thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ cây đã trồng tại các đơn vị được bàn giao quản lý, chăm sóc cây, để nhắc nhở, chấn chỉnh; nên cây xanh đã được trồng bị hư hỏng, chết chưa có biện pháp khắc phục kịp thời (Trường Quang Trung, Lương Giang, Quảng Sơn B - Quảng Sơn, không quản lý, chăm sóc để cây chết; đường Lê Lợi - Tân Sơn, đơn vị thi công đường bê tông lấp luôn cây)...

b) Kinh phí trang trí tết:

Các hạng mục công trình trang trí tết từ năm 2018 đến năm 2020 đều giống nhau và có tận dụng lại một số các vật tư, thiết bị của các năm trước còn sử dụng được. Tuy nhiên, các thiết bị, vật tư đã bị hư hỏng không còn sử dụng được đơn vị không lập biên bản nghiệm thu, xử lý tài sản đã bị hư hỏng, theo quy định tại Điều 91, 92, chương IX, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Chi tiền xăng xe đi công tác chứng từ số 02, ngày 15/01/2019, mục chi 6503, số tiền: 480.000 đồng. Đơn vị không có hóa đơn GTGT tiền xăng xe theo quy định tại Thông tư 39/2014/TT-BTC về sử dụng hóa đơn.

d) Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản:

Đa số các công trình dự án đều nợ đơn vị thi công (từ năm 2018-2020, còn nợ: 9.735.505.640 đồng, trong đó có 02 dự án (*Quy hoạch 3 phân khu đô thị Tân Sơn 3.789.142.000 đồng và Nhà tiếp dân huyện 316.060.000 đồng*) chưa đúng quy định tại khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 (*Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm*).

Nguyên nhân, là do nguồn kinh phí được phân bổ không đủ để thanh quyết toán công trình đã hoàn thành, trong khi hàng năm các địa phương, đơn vị đều đề xuất, phê duyệt các hạng mục công trình mới.

e) Các nguồn thu và nộp ngân sách của đơn vị:

Đơn vị chưa kịp thời áp dụng mức trích nộp nguồn thu phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; chưa kê khai nộp thuế nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015, số tiền: 3.000.000 đồng.

2. Kiến nghị:

2.1. Đối với UBND huyện Ninh Sơn:

- Chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế đã nêu; nhất là việc quy hoạch, kế hoạch trồng và chăm sóc cây xanh trên địa bàn huyện thời gian qua.

- Chỉ đạo ngành chuyên môn liên quan và UBND các xã, thị trấn trong việc khảo sát, lập quy hoạch, kế hoạch trồng cây xanh nói riêng và các dự án đầu tư nói

chung trên địa bàn huyện sát với thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chấn chỉnh, khắc phục, xử lý kịp thời các hạn chế, sai phạm (nếu có).

- Điều tiết, bố trí các nguồn vốn để thanh toán các khoản nợ đầu tư xây dựng tồn đọng kéo dài trong thời gian qua (nêu trên); đảm bảo đúng quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

2.2. Đối với phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

- Hàng năm có kế hoạch kiểm tra quyết toán tài chính - ngân sách đối với các đơn vị thuộc huyện quản lý để kịp thời hướng dẫn, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế.

2.3. Đối với phòng Kinh tế – Hạ tầng huyện.

- Trưởng phòng Kinh tế – Hạ tầng có trách nhiệm chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên; đồng thời, đơn đốc thu hồi số tiền 1.480.000 đồng chi sai, nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Làm rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị được giao quản lý, chăm sóc cây xanh không hiệu quả (nêu trên); khắc phục (trồng lại) số cây bị chết, theo quy định; thời gian thực hiện trong năm 2022.

- Tăng cường công tác quản lý các dự án do đơn vị làm chủ đầu tư đảm bảo chất lượng phát huy hiệu quả; nhất là việc khảo sát, tham mưu lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện và công tác bàn giao đưa công trình vào sử dụng phải đảm bảo chặt chẽ, cụ thể trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan. Thực hiện quản lý tài sản công đảm bảo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- CT.Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng;
- Lưu: LĐ, VT, HSDTT.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Văn Hóa